

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 610 /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 05 tháng 9 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 08 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 15/TTr-STC-TCĐN ngày 10 tháng 3 năm 2011 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 290/TTr- SNV ngày 09 tháng 8 năm 2011 về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất tỉnh/ Ninh Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. //

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP2, VP3, VP5, VP7.

DN/19

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Quốc Trị

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 610/QĐ-UBND
Ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình (sau đây viết tắt là Quỹ).

Điều 2. Tên gọi, trụ sở và vốn điều lệ của Quỹ

1. Tên gọi của Quỹ:

Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình.

2. Địa chỉ trụ sở của Quỹ : tại thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

3. Vốn điều lệ: Tối thiểu là 100 tỷ đồng.

Điều 3. Vị trí và chức năng

1. Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình là tổ chức tài chính nhà nước, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quyết định thành lập và ủy thác cho Quỹ đầu tư phát triển Ninh Bình thực hiện.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng để hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ có chức năng nhận vốn từ nguồn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất và huy động các nguồn khác theo quy định để ứng vốn và chi hỗ trợ trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn vốn, bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và không vì mục đích lợi nhuận.

2. Việc sử dụng Quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 5. Nhiệm vụ của Quỹ

1. Tiếp nhận nguồn vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.
2. Ứng vốn cho các tổ chức để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các Điểm a, b và c, Khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này; thực hiện thu hồi vốn đã ứng theo quy định.
3. Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các Điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này.
4. Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đình chỉ, thu hồi vốn đã ứng, kinh phí đã hỗ trợ khi phát hiện tổ chức, đơn vị vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng, kinh phí hỗ trợ.
5. Quản lý vốn và tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật.
6. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và các quy định khác liên quan đến hoạt động của Quỹ.
7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 6. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức quản lý, điều hành Quỹ hoạt động theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.
2. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thẩm định nhu cầu chi hỗ trợ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; thực hiện chi hỗ trợ theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện thu hồi các khoản chi hỗ trợ theo quy định.
3. Quyết định ứng vốn cho các tổ chức theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 5 của Điều lệ này; thực hiện thu hồi vốn ứng khi đến hạn hoặc thu hồi theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
4. Tham gia kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện chương trình, dự án, đề án đã được Quỹ ứng vốn hoặc hỗ trợ.
5. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về phạm vi, đối tượng được ứng vốn, được chi hỗ trợ từ Quỹ.
6. Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động Quỹ.

Chương III CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA QUỸ

Điều 7. Cơ cấu tổ chức của Quỹ

Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm:

1. Hội đồng quản lý Quỹ;
2. Ban kiểm soát Quỹ;
3. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ: Ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình.

Điều 8. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có 05 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên, trong đó:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, phụ trách Tài chính;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ kiêm Giám đốc Quỹ là 01 lãnh đạo Sở Tài chính;

c) Các thành viên khác gồm lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ họp định kỳ để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình. Hội đồng quản lý Quỹ họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách trong trường hợp cần thiết.

Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng tham dự. Nội dung và kết luận các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ đều phải được ghi thành biên bản hoặc nghị quyết và được gửi đến tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ:

- a) Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách từ các nguồn thu từ đất và các nguồn vốn khác giao cho Quỹ theo quy định của pháp luật;
- b) Được sử dụng con dấu của Quỹ để thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Quỹ và một số quy định có liên quan phục vụ hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ;

d) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban kiểm soát (trừ Trưởng Ban kiểm soát) theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát;

đ) Thông qua kế hoạch tài chính và báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ;

e) Ủy quyền cho Giám đốc Quỹ (được ủy thác) thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trong phạm vi được ủy quyền. Hội đồng quản lý Quỹ chịu trách

nhiệm cuối cùng đối với các nội dung ủy quyền;

g) Quyết định ứng vốn và thực hiện chi hỗ trợ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ;

h) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương án biên chế, chế độ tiền lương, tiền thưởng theo cơ chế tài chính quy định tại Điều 17 của Điều lệ này; phương thức tổ chức, bộ máy quản lý của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;

i) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật;

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát Quỹ có từ 01 đến 05 thành viên, gồm 01 Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ, Phó trưởng Ban Kiểm soát Quỹ; các thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát Quỹ.

Các thành viên Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm

Thành viên Ban kiểm soát Quỹ không được là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và tổ chức triển khai thực hiện;

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và người có thẩm quyền về kết quả kiểm tra, giám sát và kiến nghị biện pháp xử lý.

3. Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên của Ban kiểm soát do Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền được tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.

4. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành nghiệp vụ Quỹ.

5. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ cho phép.

6. Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật nếu có hành vi bao che, bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ cho phép.

Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản lý

Quỹ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Phó Trưởng Ban kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban kiểm soát và pháp luật về những nhiệm vụ đã được phân công. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt, Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền cho Phó Trưởng Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 10. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ không thành lập, mà ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình thực hiện.

2. Giám đốc Quỹ (được ủy thác) là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ, có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm của Quỹ, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt;

b) Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ, các chương trình, kế hoạch và quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Quyết định ứng vốn và thực hiện chi hỗ trợ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ;

d) Báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình tiếp nhận vốn, ứng vốn, chi hỗ trợ và các hoạt động khác của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt hoặc ban hành theo thẩm quyền quy chế làm việc và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ;

e) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ và các quy định của pháp luật.

Chương IV

NHẬN ỦY THÁC, ỦY THÁC VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ

Điều 11. Nhận ủy thác

1. Quỹ được nhận ủy thác quản lý, sử dụng vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận ủy thác giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác.

2. Quỹ được nhận ủy thác quản lý hoạt động của các Quỹ khác thuộc tỉnh.

3. Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận ủy thác và được hạch toán vào nguồn thu của Quỹ. Mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng nhận ủy thác.

Điều 12. Ủy thác

1. Trên cơ sở quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình, Hội đồng quản lý Quỹ tiến hành ký hợp đồng ủy thác với Quỹ đầu tư phát triển Ninh Bình. Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình nhận ủy thác

và thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng uỷ thác và các quy định tại Điều lệ này.

2. Quỹ trả phí dịch vụ uỷ thác cho Quỹ đầu tư phát triển Ninh Bình nhận uỷ thác và hạch toán vào nội dung chi của Quỹ. Mức phí cụ thể được thoả thuận và ghi trong hợp đồng uỷ thác.

Điều 13. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ bao gồm vốn nhà nước cấp và các nguồn vốn khác.

2. Mức vốn nhà nước cấp cho Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khi quyết định thành lập Quỹ. Việc thay đổi vốn nhà nước cấp trong quá trình hoạt động do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Hàng năm, được UBND tỉnh trích từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh, (sau khi trừ các khoản chi để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các chi phí có liên quan khác) theo nghị quyết HĐND tỉnh để bổ sung nguồn hoạt động cho Quỹ.

4. Các nguồn vốn khác của Quỹ gồm: vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ hoặc uỷ thác quản lý của các tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ, uỷ thác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Quy định về quản lý, sử dụng nguồn vốn của Quỹ

1. Quỹ được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Ứng vốn cho Tổ chức phát triển quỹ đất để tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khu vực đã có quy hoạch phải thu hồi đất mà người sử dụng đất có nhu cầu chuyển nhượng trước khi Nhà nước thu hồi đất; tổ chức phát triển các khu tái định cư phục vụ việc thu hồi đất thực hiện các dự án; tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên quỹ đất đã được giao quản lý để đấu giá;

b) Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

c) Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện đầu tư tạo quỹ đất, quỹ nhà tái định cư theo quy hoạch;

d) Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ thực hiện các đề án đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp cho các đối tượng bị Nhà nước thu hồi đất;

đ) Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ khoản chênh lệch cho hộ gia đình, cá nhân vào khu tái định cư trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường, hỗ trợ nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu;

e) Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ xây dựng khu tái định cư; hỗ trợ xây dựng các công trình hạ tầng tại địa phương có đất bị thu hồi.

2. Mức ứng vốn để sử dụng cho các nhiệm vụ quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này do Giám đốc Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

3. Mức ứng vốn cho ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ chi quy định tại điểm d, đ, e, Khoản 1, Điều này do Giám đốc Quỹ tổng hợp, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 15. Trình tự, thủ tục ứng vốn, chi hỗ trợ

Do Giám đốc Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 16. Hoàn trả vốn ứng và các khoản chi hỗ trợ

1. Hoàn trả vốn ứng:

Tổ chức được ứng vốn để thực hiện những nhiệm vụ quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này có trách nhiệm hoàn trả vốn đã ứng từ các nguồn sau:

a) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất theo quy hoạch sau đó Nhà nước giao cho nhà đầu tư theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì được hoàn trả từ vốn đầu tư của dự án;

b) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất theo quy hoạch sau đó Nhà nước giao cho nhà đầu tư theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thì được hoàn trả từ ngân sách địa phương;

c) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch sau đó đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án trên đất thì được hoàn trả từ tiền đấu giá quyền sử dụng đất hoặc tiền sử dụng đất thu được thông qua đấu thầu trước khi nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định;

d) Đối với vốn ứng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng các khu, điểm, nhà tái định cư để tạo lập quỹ nhà đất phục vụ tái định cư cho người bị thu hồi đất thì được hoàn trả từ nguồn thu tiền sử dụng đất, bán nhà tái định cư của đối tượng được bố trí tái định cư; trường hợp nguồn thu từ tiền sử dụng đất, bán nhà tái định cư không đủ để hoàn trả thì ngân sách địa phương hoàn trả phần chênh lệch.

2. Hoàn trả các khoản chi hỗ trợ:

Tổ chức được giao nhiệm vụ chi hỗ trợ cho những nhiệm vụ quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này có trách nhiệm hoàn trả từ các nguồn sau:

a) Trường hợp các khoản chi hỗ trợ đã nằm trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì nguồn vốn để hoàn trả thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp các khoản chi hỗ trợ không nằm trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì do ngân sách địa

phương chi trả; trường hợp ngân sách địa phương chưa bố trí để thực hiện chi trả thì Quỹ có trách nhiệm chi trả và được ngân sách địa phương bố trí hoàn trả.

Điều 17. Phí ứng vốn

Khi ứng vốn cho Tổ chức phát triển quỹ đất và các tổ chức khác để sử dụng cho các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này, Quỹ được thu phí ứng vốn theo quy định sau:

1. Đối với vốn ứng để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, mức phí ứng vốn bằng không (= 0).
2. Đối với các khoản ứng vốn chi hỗ trợ, mức phí ứng vốn bằng không (= 0).
3. Đối với vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ khác, mức phí ứng vốn được xác định bằng mức phí ứng vốn ngân sách nhà nước.

Chương V CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Điều 18. Cơ chế tài chính

Quỹ thực hiện theo cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu tự bảo đảm một phần hoặc bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động.

Điều 19. Nguồn thu của Quỹ

1. Nguồn thu của Quỹ bao gồm:
 - a) Kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ theo cơ chế áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật;
 - b) Phí ứng vốn theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 của Điều lệ này;
 - c) Lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (nếu có);
 - d) Nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ và phí nhận ủy thác;
 - đ) Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.
2. Nguồn thu của Quỹ quy định tại Khoản 1 Điều này không bao gồm nguồn vốn nhà nước cấp của Quỹ quy định tại Điều 12 của Điều lệ này.

Điều 20. Nội dung chi

1. Nội dung chi của Quỹ bao gồm:
 - a) Chi trả phí ủy thác cho Quỹ đầu tư phát triển theo hợp đồng đã ký;
 - b) Chi cho cán bộ kiêm nhiệm làm việc cho Quỹ theo chế độ quy định;
 - c) Chi thường xuyên khác để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ theo quy định.
2. Nội dung chi của Quỹ quy định tại Khoản 1 Điều này không bao gồm các nội dung chi ứng vốn và hỗ trợ quy định tại Điều 13 của Điều lệ này.

Điều 21. Chế độ kế toán, kiểm toán

1. Quỹ tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê, báo cáo theo đúng các quy định của pháp luật.
2. Việc thực hiện kiểm tra, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ theo quy định của pháp luật.

Chương VI
XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 22. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được giải quyết theo pháp luật hiện hành.

Điều 23. Tổ chức lại, giải thể bộ máy

Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ phát triển đất do Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quyết định; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Triển khai thực hiện Điều lệ

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến Quỹ phát triển đất có trách nhiệm thi hành Điều lệ này

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Trong quá trình thực hiện, Quỹ có trách nhiệm tổng kết hoạt động, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đình Quốc Trị